

Bản án số: 90/2019/DS-PT

Ngày: 05 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2019/DSPT ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 28-09-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc M: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: đường L, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền công chứng ngày 05/6/2017)

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Hồng Ng, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, thị trấn T1, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Hồng Ng: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: đường C1, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền công chức ngày 01/6/2017)

2. Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1964; Quốc tịch Hoa Kỳ. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: S A S PNJ 07080 USA.

Địa chỉ tạm trú: Ấp H, thị trấn T1, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Thanh L: Ông Lê Trí D, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: đường T2, phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền công chứng ngày 17/5/2017)

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Trần Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà M và bà Phạm Hồng Ng có mối quan hệ họ hàng. Bà M có cho bà Ng vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 24/8/2016 vay 500.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, khi vay có lập giấy nợ.

- Ngày 02/9/2016 bà Ng vay tiếp 200.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, khi vay không lập giấy nợ.

Bà Ng nói vay tiền của Bà M để làm ăn trong gia đình. Bà Ng trả lãi được 06 tháng thì ngưng không trả nữa, Bà M trực tiếp giao tiền cho bà Ng và Bà M cũng là người trực tiếp nhận tiền lãi từ bà Ng. Đến hạn trả nợ, đã nhiều lần Bà M yêu cầu bà Ng trả nợ nhưng không thực hiện mà còn cố tình tránh né. Mặc dù, Bà M không trực tiếp giao dịch với ông Hồ Thanh L. Tuy nhiên, thời điểm vay tiền bà Ng và ông L là vợ chồng, quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại nên Bà M yêu cầu bà Ng và ông L liên đới trả cho bà 700.000.000đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

Trong văn bản ngày 12/5/2017 bị đơn bà Phạm Hồng Ng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn do bà Phạm Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây bà Ng và ông Hồ Thanh L là vợ chồng, hiện đã ly hôn. Bà Ng và bà Nguyễn Thị Ngọc M có mối quan hệ họ hàng.

Do cần tiền làm ăn nên bà Ng có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc M, như Bà M trình bày, cụ thể như sau:

- Ngày 24/8/2016 vay 500.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, khi vay có lập giấy nợ.

- Ngày 02/9/2016 bà Ng vay tiếp 200.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay không lập giấy nợ.

Mục đích vay tiền để làm ăn sinh lợi, nhưng do làm ăn thất bại nên chưa trả tiền gốc cho Bà M, chỉ trả lãi được 06 tháng thì ngưng không trả nữa. Với yêu cầu của Bà M thì bà Ng đồng ý trả cho Bà M 700.000.000đồng tiền gốc, bà Ng khó khăn đề nghị không tính lãi. Riêng số tiền lãi bà Ng đã đóng cho Bà M không yêu cầu điều tiết lại.

Cá nhân bà Ng trực tiếp vay tiền, nhận tiền và đóng lãi cho Bà M, tiền vay sử dụng kinh doanh mục đích sinh lợi để chi tiêu trong gia đình nhưng thất bại, chưa phát sinh lợi nhuận, chưa đưa vào sử dụng trong gia đình. Ông Hồ Thanh L là chồng bà Ng có công việc riêng, không vay tiền, không nhận tiền của Bà M, không sử dụng tiền bà Ng vay. Nên đề nghị xác định đây là nợ của cá nhân bà Ng, cá nhân bà Ng là người có nghĩa vụ trả nợ cho Bà M, không đồng ý buộc ông L cùng liên đới trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh L do ông Lê Trí D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây bà Phạm Hồng Ng và ông Hồ Thanh L là vợ chồng.

Việc bà Ng vay tiền của Bà M thì ông L hoàn toàn không biết. Ông L có công việc riêng, không vay tiền, không nhận tiền của Bà M, không sử dụng tiền của bà Ng vay, bà Ng vay tiền không báo cho ông L biết. Nên cá nhân bà Ng là người có nghĩa vụ trả nợ cho Bà M. Cũng như việc kinh doanh của bà Ng, ông L không tham gia. Nên ông L không đồng ý liên đới trả nợ cho Bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26,37, 39, 227, 228, 147, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Hồng Ng, ông Hồ Thanh L.

Buộc bà Phạm Hồng Ng, ông Hồ Thanh L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 09/10/2018, ông Hồ Thanh L có đơn kháng cáo, có nội dung đề nghị không buộc ông liên đới với bà Phạm Hồng Ng trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ngọc M, vì ông không ký bất kỳ giấy tờ gì vay nợ Bà M, bà Ng không cho ông biết việc bà Ng vay tiền, hơn nữa bà Ng vay tiền để kinh doanh thanh long tại hộ kinh doanh Linh Nga là việc kinh doanh của hộ gia đình và ông không là thành viên trong hộ nên không có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không rút đơn kháng cáo; Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm có kháng cáo nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về nội dung: Để có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận xét như sau:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Các đương sự trình bày thống nhất ngày 24/8/2016 Bà M cho bà Ng vay số tiền 500.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng hai bên có lập giấy nợ; ngày 02/9/2016 bà Ng vay tiếp 200.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lần vay này không lập giấy nợ, lãi suất 1,5%/tháng, bà Ng đã trả cho Bà M 06 tháng tiền lãi thì ngưng không trả nữa, hiện bà Ng còn nợ Bà M 700.000.000đồng tiền gốc. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc vay tiền giữa Bà M và bà Ng là có thật. Đến hạn trả nợ bà Ng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của Bà M bị xâm phạm. Căn cứ vào điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Ng phải trả cho Bà M số tiền 700.000.000đồng tiền gốc.

[2.2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định đây là khoản vay có lãi. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu xem xét, điều tiết tiền lãi đã đóng và đại diện Bà M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Các đương sự không thống nhất về trách nhiệm liên đới của ông L. Bà M yêu cầu buộc ông L cùng bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Bà M. Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, ông L cho rằng cá nhân bà Ng vay tiền, việc vay tiền của bà Ng, ông L không biết, ông L không sử dụng tiền vay, không đồng ý cùng bà Ng liên đới trả nợ.

Xét giấy nợ ngày 24/8/2016 và thừa thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng: bà Ng là người trực tiếp hỏi vay tiền, viết giấy nợ, nhận tiền và đóng lãi cho cho Bà M, giấy nợ chỉ thể hiện cá nhân bà Ng vay tiền. Trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 821/2017/QĐQĐST-HNGĐ ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Thạnh giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn của bà Ng và ông L đã ghi nhận nợ chung không có. Tuy nhiên, tại thời điểm bà Ng vay tiền của Bà M thì quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông L vẫn còn tồn tại, bà Ng, ông L cùng sống chung tại nhà số 01/59 ấp H, thị trấn T1, huyện C, tỉnh Long An. Mục đích vay tiền của bà Ng để kinh doanh sinh lợi để phục vụ gia đình còn việc kinh doanh có hiệu quả hay không là ngoài mong muốn của các đương sự, việc kinh doanh tại nơi bà Ng và ông L đang cư trú thì lời nài ông L cho rằng không biết bà Ng vay tiền để làm gì là không có căn cứ. Cần buộc bà Ng và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà M là phù hợp quy định Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những căn cứ nêu trên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Hồ Thanh L không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2. Căn cứ các Điều 26,37, 39, 227, 228, 147, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Hồng Ng, ông Hồ Thanh L.

Buộc bà Phạm Hồng Ng, ông Hồ Thanh L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Thanh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào án phí tạm ứng theo biên lai thu số 0000138 ngày 09/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Đương sự (3);
- Lưu VP(3), HS(1), NQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh